

Trang

MỤC LỤC

1,2

A. PHẦN MỞ ĐẦU

3-6

- 1.Lý do chọn đề tài:.....
- 2.Mục đích nghiên cứu:.....
- 3.Đối tượng, phạm vi nghiên cứu:.....
- 4.Nhiệm vụ nghiên cứu:.....
- 5.Phương pháp nghiên cứu:.....

B.NỘI DUNG ĐỀ TÀI:

6-28

PHẦN 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở pháp lí:.....
2. Cơ sở lí luận:.....
3. Cơ sở thực tiễn:.....

PHẦN 2. THỰC TRẠNG CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng của việc học văn hiện nay:.....
2. Nguyên nhân của thực trạng:.....
 - a.Đối với giáo viên:.....
 - b.Đối với học sinh:.....
3. Các biện pháp tiến hành để giải quyết vấn đề:
 - a.Giúp học sinh hiểu sơ đồ tư duy:.....

*Sơ đồ tư duy là gì?.....

*Lợi ích của sơ đồ tư duy:.....

*Cách tạo sơ đồ tư duy:.....

b.Tổ chức các hoạt động dạy học môn Ngữ văn bằng sơ đồ tư duy:

c.Vận dụng sơ đồ tư duy trong dạy học Ngữ văn :

.....

.....

* Dùng SĐTD để củng cố kiến thức sau mỗi tiết học và hệ thống kiến thức sau mỗi chương, phần:

.....

*Dùng Sơ đồ tư duy để kiểm tra bài cũ :

.....

* Sử dụng Sơ đồ tư duy để lập dàn ý trong tiết học tập làm văn:

.....

4.Hiệu quả của sáng kiến:

.....

PHẦN 3.KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

28-29

1.KẾT LUẬN:

.....

2.KIẾN NGHỊ:

a. Đối với giáo viên:.....

b. Đối với học sinh:.....

c. Đối với nhà trường:.....

A. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Vào các năm gần đây, “Đổi mới phương pháp dạy học” là một cụm từ không hề xa lạ với ngành giáo dục nói chung và giáo viên đứng lớp nói riêng. Nó là một đòi hỏi cấp bách, một xu hướng tất yếu của các trường học. Tùy vào từng bộ môn và kinh nghiệm của bản thân mà mỗi giáo viên cần tìm tòi, áp dụng phương pháp mới vào giảng dạy nhằm giúp học sinh hứng thú và chủ động hơn trong học tập, đồng thời nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của nhà trường, góp phần vào việc hình thành nhân cách phát triển toàn diện của học sinh.

Năm học 2018-2019, thực hiện theo chỉ đạo của ngành về việc thực hiện giảng dạy theo Chuẩn kiến thức, kỹ năng của Bộ Giáo dục & Đào tạo, để giáo viên giảng dạy đúng kiến thức và kỹ năng mới trên tinh thần phát huy tính tích cực tự giác, chủ động sáng tạo trong việc tiếp cận và lĩnh hội tri thức của học sinh, một yêu cầu quan trọng đặt ra là phải có sự vận dụng và phát huy những phương pháp dạy học truyền thống, bên cạnh đó là những biện pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng những thành tựu khoa học hiện đại vào việc giảng dạy từng bộ môn.

Để đáp ứng những yêu cầu đổi mới về phương diện phương pháp, đáp ứng tốt hơn Chuẩn kiến thức và kỹ năng quy định thì việc làm phong phú, sinh động, khắc sâu đề tài... bằng một kỹ thuật mới đó là tổ chức các đơn vị kiến thức trên hệ thống sơ đồ, ta vẫn gọi là sơ đồ tư duy, hay bản đồ tư duy. Nó không chỉ giúp cho học sinh có sự hiểu biết sâu rộng, dễ tái hiện kiến thức Ngữ văn mà còn góp phần chấp

cánh cho những phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn này, tạo hứng thú để học sinh tham gia học tập tích cực, nhất là đối với các em học sinh lớp 6 - lớp đầu cấp THCS.

Thực tế vận dụng sơ đồ tư duy vào một số tiết dạy ở bộ môn Ngữ văn, đặc biệt là lớp 6, tôi thấy nó đã đem lại những hiệu quả nhất định. Để tiến đến sử dụng sơ đồ tư duy lâu dài và đem lại hiệu quả tối ưu, tôi tiến hành tìm hiểu, nghiên cứu những cơ sở khoa học của nó và vận dụng cho phù hợp với đặc trưng của bộ môn Ngữ văn. Do đó, tôi chọn đề tài cho Sáng kiến kinh nghiệm này là : “Nâng cao chất lượng giảng dạy môn Ngữ văn cho học sinh khối 6 bằng sơ đồ tư duy”. Mong rằng với những kinh nghiệm này có thể giúp quý đồng nghiệp ít nhiều trong việc làm phong phú thêm phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Ngữ văn, đồng thời tôi rất mong có sự góp ý chân thành của quý vị để đề tài này được sâu sắc hơn về giá trị khoa học và tính hữu dụng của nó.

2. Mục đích nghiên cứu

Trong giờ văn học, giáo viên cần cung cấp kiến thức theo mục tiêu bài dạy thông qua một số phương pháp, biện pháp, kỹ thuật cụ thể. Bên cạnh nhiệm vụ đó, giáo viên còn phải khắc sâu, mở rộng, nâng cao kiến thức đã và đang học cho học sinh nhằm đáp ứng từng mức độ nhận thức của học sinh, khơi gợi sự hứng thú học tập, làm cho giờ học diễn ra sôi nổi hơn, học sinh ham học hơn, không còn cảm thấy mệt mỏi, nặng nề khi đến tiết Ngữ văn. Từ đó giúp HS chủ động chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu dạy học mới mà ngành đã đề ra. Đó chính là mục đích để chúng tôi vận dụng sơ đồ tư duy nhằm hỗ trợ về phương pháp giúp cho giáo viên có một cách tổ chức mới theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh và làm cho bài dạy nhẹ nhàng hơn mà hiệu quả đạt được vẫn cao.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu là học sinh khối 6 trường THCS Nguyễn An Khương mà tôi trực tiếp giảng dạy.

Phạm vi nghiên cứu là tập trung vào việc sử dụng sơ đồ tư duy trong bộ môn Ngữ văn như: cơ sở khoa học để hình thành sơ đồ tư duy, các bước tạo sơ đồ tư duy, vận dụng sơ đồ tư duy trong quá trình dạy học, chủ yếu là vẽ sơ đồ tư duy, cách vẽ bằng bút màu trên giấy trắng hoặc bằng phấn màu trên bảng đen hay bằng những phần mềm tin học hiện hành, sử dụng sơ đồ tư duy trong các hoạt động nào của môn Ngữ văn.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Giúp giáo viên có thêm tư liệu bổ sung cho phương pháp, kỹ thuật dạy học làm phong phú nội dung bài dạy
- Giúp học sinh dễ hình dung các đơn vị kiến thức, dễ ghi nhớ những vấn đề phức tạp khi nó được đưa lên sơ đồ, từ đó các em hiểu vấn đề một cách có hệ thống. Đồng thời tạo cho học sinh thói quen nhận thức thế giới bằng lối tư duy quan hệ, tính logic của một vấn đề.
- Tạo không khí hứng thú trong giờ học văn, giúp học sinh yêu thích say mê môn học.
- Đáp ứng tốt nhất những tiêu chuẩn về kiến thức và kỹ năng mà mục tiêu môn học đã đề ra.

5. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp tiếp cận hệ thống, so sánh, nêu ví dụ, phân loại, thống kê.
- Tham khảo các tài liệu dạy học có liên quan.

- Rút kinh nghiệm từ thực tế giảng dạy của bản thân.
- Suru tầm, tra cứu, học hỏi từ đồng nghiệp.

B. NỘI DUNG ĐỀ TÀI

1. CƠ SỞ LÝ LUẬN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU:

a. Cơ sở pháp lí:

- Căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2018- 2019 là năm học tiếp tục đổi mới công tác quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin.
- Căn cứ vào những yêu cầu đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động và phát triển năng lực tư duy của học sinh trong việc học tập môn Ngữ văn.
- Đáp ứng được yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng của môn học mà Bộ giáo dục đã quy định.

b. Cơ sở lý luận :

Ngữ văn là một môn học thuộc nhóm khoa học xã hội. Đây là môn học có vai trò rất quan trọng trong đời sống và trong sự phát triển tư duy của con người, có tầm quan trọng trong việc giáo dục quan điểm, tư tưởng, tình cảm cho học sinh. Hơn thế nữa, môn học này còn giúp cho các em sự hiểu biết phong phú về mọi mặt của cuộc sống con người, xã hội và đất nước, bồi dưỡng cho các em một cuộc sống tâm hồn tươi đẹp, phong phú, rộng mở. Từ đó khơi dậy niềm tự hào về đất nước, dân tộc mình và tình yêu cuộc sống, tình yêu nhân loại, từ đó mở mang tri thức, hình thành nhân cách của học sinh. Vì thế môn học này được xem là môn chủ đạo chiếm thời lượng số tiết trong tuần khá nhiều so với các môn học khác trong cấp học. Mặt khác nó cũng là môn học thuộc nhóm công cụ, thể hiện rõ mối quan hệ với rất nhiều các môn học khác trong các nhà trường phổ thông. Học tốt môn văn sẽ tác động tích cực tới các môn học khác và ngược lại, các môn học khác

cũng góp phần học tốt môn văn. Điều đó đặt ra yêu cầu tăng cường tính thực hành, giảm lí thuyết, gắn học với hành, gắn kiến thức với thực tiễn hết sức phong phú, sinh động của cuộc sống. Do vậy, có nhiều vấn đề văn chương nghệ thuật hay nội dung xã hội phức tạp cần có cách thiết lập dễ hiểu, dễ nhớ hay tổ chức lý thuyết cho kiểu bài rèn kĩ năng sử dụng ngôn ngữ hoặc tạo lập các kiểu văn bản và lúc này sơ đồ tư duy là một phương tiện đi kèm hữu hiệu để giúp học sinh nắm vững lý thuyết bài học.

c. Cơ sở thực tiễn:

Năm học 2018 - 2019 là năm học Bộ giáo dục và đào tạo tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ngữ văn trong các nhà trường phổ thông. Một trong những phương pháp dạy học mới và hiện đại nhất được đưa vào là phương pháp dạy học bằng bản đồ tư duy (BĐTD) - một phương pháp dạy học mới đang được rất nhiều nước trên thế giới áp dụng. Qua việc tìm hiểu và vận dụng phương pháp dạy học bằng bản đồ tư duy, tôi nhận thấy phương pháp dạy học này rất có hiệu quả trong công tác giảng dạy và học tập của học sinh. Đặc biệt là học sinh lớp 6. Các em thường quen cách học thụ động dưới bậc Tiểu học: giáo viên giảng, học sinh nghe, chép, học thuộc nội dung được giáo viên cung cấp sẵn. Khi lên cấp THCS, các em sẽ gặp trở ngại trong việc tự mình khám phá kiến thức qua những tiết học theo phương pháp mới. Nếu không có giải pháp kịp thời, về lâu dài, các em rất dễ chán học môn văn. Vì vậy, việc sử dụng sơ đồ tư duy trong quá trình dạy học, bước đầu có thể giảm bớt được tâm lý ngại học văn, khơi gợi trong học sinh tình yêu đối với môn học, đồng thời đem đến cho các em cái nhìn mới, tư duy mới về môn học Ngữ văn. Vậy thế nào là phương pháp dạy học bằng bản đồ tư duy? Cần sử dụng bản đồ tư duy như thế nào để nâng cao chất lượng bộ môn văn cho các em học sinh đầu cấp THCS? Đó là những vấn đề tôi muốn cùng được chia sẻ với các đồng nghiệp trong sáng kiến kinh nghiệm này.

2.THỰC TRẠNG CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU:

a. Thực trạng của việc học văn hiện nay:

Mục tiêu của việc dạy học là đào tạo con người toàn diện.Nhưng thực tế hiện nay cho thấy, các bộ môn khoa học xã hội thường bị học sinh xem nhẹ. Mặc dù kiến thức của các bộ môn này vô cùng quan trọng cho tất cả mọi người, trong đó có môn văn.Những năm gần đây, nhiều người quan tâm đến công tác giáo dục không khỏi lo ngại trước một thực trạng, đó là tâm lý thờ ơ với việc học văn của học sinh ở các trường học. Điều đáng buồn nhất cho các giáo viên dạy văn là nhiều học sinh có năng khiếu văn cũng không muốn tham gia đội tuyển văn. Các em còn phải dành thời gian học các môn khác. Phần lớn phụ huynh khi đã định hướng cho con mình sẽ thi khối A thì chỉ chủ yếu chú trọng ba môn: Toán, Lý, Hóa.Bên cạnh đó, học sinh còn mắc khuyết điểm về khả năng trình bày: Khi HS tạo lập một văn bản giáo viên có thể dễ dàng nhận ra những lỗi sai cơ bản của học sinh như: dùng từ sai, viết câu sai, viết chính tả sai, bố cục và lời văn hết sức lủng củng, thiếu logic. Đặc biệt có những bài văn diễn đạt ngô nghê, tối nghĩa, lủng củng ...Đây là một tình trạng đã trở nên phổ biến và thậm chí là đáng báo động trong xã hội ta.. Muốn khôi phục sự quan tâm của xã hội đối với các bộ môn khoa học xã hội, không thể chỉ bằng biện pháp kêu gọi mà chúng ta phải tích cực đổi mới phương pháp dạy học văn, khơi gợi lại hứng thú học văn của học sinh, hình thành cho các em phương pháp học văn hiệu quả nhất.

b. Nguyên nhân của thực trạng:

***Đối với giáo viên:**

Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện đổi mới PPDH, trong nhiều năm qua tại trường THCS Nguyễn An Khương, tinh thần đổi mới phương pháp dạy học của mỗi giáo viên được nâng cao. Các thầy cô

giáo ở tất cả các bộ môn như Toán, Lý Hóa, Lịch sử, Địa lý... trong trường luôn học hỏi, tìm hiểu những PPDH tiến bộ, vận dụng những kỹ thuật mới vào trong dạy học để làm mới bài giảng của mình, tăng sự hứng thú của học sinh trong các giờ học. Và việc sử dụng SĐTD trong dạy học là một bước tiến đáng kể trong việc đổi mới PPDH hiện nay khi mà khoa học công nghệ phát triển như huyền thoại, nhất là sự bùng nổ của ngành Công nghệ thông tin, việc sử dụng SĐTD thay thế cho những mô hình, sơ đồ, biểu đồ... giản tiện về công đoạn, nguyên liệu không chỉ cuốn sự hứng thú, làm “sống lại” niềm đam mê, yêu thích môn học ở các em học sinh mà còn làm dấy lên một “phong trào” đưa Sơ đồ tư duy vào bài giảng ở giáo viên.

Không nằm ngoài xu thế đổi mới đó, các thầy cô giáo dạy Văn cũng luôn có ý thức tiếp cận các phương pháp dạy học mới để mang lại sự hứng thú của học sinh trong các giờ học Văn, vốn dĩ là môn học luôn được xem nặng về kiến thức, đòi hỏi giáo viên phải giảng nhiều, ghi chép trên bảng rất nhiều và học sinh cũng phải ghi bài nhiều, chỉ ngồi thụ động trả lời những câu hỏi do thầy cô đưa ra. Điều này sẽ dẫn đến sự rập khuôn máy móc trong cách dạy và học Ngữ văn, tạo tâm lý ỷ lại, bị động trong học sinh. Chính vì thế, việc sử dụng SĐTD trong dạy học môn Văn sẽ khắc phục được những hạn chế trên, tạo sự mới mẻ, hưng phấn với học sinh và cả người giáo viên đứng lớp. Tuy nhiên, hiện nay, việc đưa SĐTD vào ứng dụng trong quá trình dạy học đối với môn học Ngữ văn, còn là vấn đề gặp không ít khó khăn, trở ngại đối với giáo viên, cụ thể như trong việc tổ chức, thiết kế các hoạt động dạy học với việc sử dụng SĐTD. Qua dự giờ, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn đối với các đồng nghiệp trong tổ, tôi nhận thấy, hầu hết các giáo viên chưa quen với cách dạy học bằng SĐTD. Một số ít giáo viên có sử dụng nhưng còn mang tính hình thức, chưa chú trọng rèn kỹ năng cho học sinh, khiến học sinh có cảm giác vẽ SĐTD còn khó hơn cách ghi chép thông thường.

b. Đối với học sinh:

Bộ môn Ngữ văn là một môn quan trọng trong nhà trường phổ thông. Bởi ngoài là môn học công cụ, môn văn còn cung cấp cho học sinh nhưng hiểu biết về văn hóa, con người Việt Nam và thế giới, hướng các em đến những giá trị cao đẹp của cuộc sống như Chân – Thiện – Mĩ. Quan trọng là thế song trong thực tế giảng dạy, môn Ngữ văn là một môn học khó với học sinh bởi dung lượng kiến thức rất nhiều. Học sinh phải học văn học Việt Nam (Văn học dân gian, văn học Việt Nam trung đại, cận đại, hiện đại), và văn học nước ngoài. Các kiến thức về tiếng Việt, Tập làm văn cũng không hề đơn giản. Bên cạnh đó, học sinh lớp 6 thường quen cách học thụ động dưới bậc Tiểu học: giáo viên giảng, học sinh nghe, chép, học thuộc nội dung được giáo viên cung cấp sẵn. Khi lên cấp THCS, các em sẽ gặp trở ngại trong việc tự mình khám phá kiến thức qua những tiết học theo phương pháp mới và lâu dài, dẫn đến tình trạng các em chán học môn văn.

Thực tế học sinh học Ngữ văn, các em thường học bài nào biết bài đấy, học phần sau đã quên phần trước và không biết liên kết các kiến thức với nhau, không biết vận dụng các kiến thức đã học trước đó vào bài sau. Phần lớn học sinh khi đọc sách hoặc nghe giảng trên lớp không biết cách tự ghi chép để lưu thông tin, lưu kiến thức trọng tâm vào trí nhớ của mình, vẫn còn nhiều em chưa biết thể hiện nội dung kiến thức bằng SĐTD, vẽ SĐTD một cách máy móc, chưa có sự sáng tạo, chưa biết diễn giải kiến thức trên sơ đồ.... hầu như chỉ tập trung vào một số em học khá giỏi, chưa kích thích sự yêu thích, hứng thú của các em. Nhiều học sinh học vẹt để đối phó trong kiểm tra đánh giá hiện nay, vận dụng kiến thức, kĩ năng làm bài còn hạn chế; văn viết sơ sài, khô khan, chung chung...thiếu những bài văn hay, giàu tính sáng tạo, mang màu sắc cá nhân. Bên cạnh những phụ huynh quan tâm đến việc học của con em mình còn một số bậc cha mẹ ít quan tâm đến việc học của con cái, cho rằng môn văn không quan trọng, chỉ cần đủ điểm lên lớp là được cho

nên họ cũng không tích cực mua sách tham khảo, đồ dùng học tập phục vụ môn văn cho con em mình và đó cũng là lý do làm giảm chất lượng bộ môn văn ở học sinh khối 6.

3. CÁC BIỆN PHÁP TIẾN HÀNH ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

a. Giúp học sinh khối 6 hiểu rõ về Sơ đồ tư duy:

Sơ đồ tư duy (SĐTD) là gì?

Sơ đồ tư duy hay còn gọi là bản đồ tư duy là một hình thức ghi chép sử dụng màu sắc, hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Kỹ thuật tạo ra loại bản đồ này được phát triển bởi Tony Buzan vào những năm 1960. Sơ đồ tư duy có cấu tạo như một cái cây có nhiều nhánh lớn, nhỏ mọc xung quanh. “Cái cây” ở giữa sơ đồ là một ý tưởng chính hay hình ảnh trung tâm. Nối với nó là các nhánh lớn thể hiện các vấn đề liên quan với ý tưởng chính. Các nhánh lớn sẽ được phân thành nhiều nhánh nhỏ, rồi nhánh nhỏ hơn, nhánh nhỏ hơn nữa nhằm thể hiện chủ đề ở mức độ sâu hơn. Sự phân nhánh cứ thế tiếp tục và các kiến thức, hình ảnh luôn được nối kết với nhau. Sự liên kết này tạo ra một “bức tranh tổng thể” mô tả ý tưởng trung tâm một cách đầy đủ và rõ ràng.

Sơ đồ tư duy có ích lợi gì?

- Ghi nhớ chi tiết cấu trúc đối tượng hay sự kiện mà chúng chứa các mối liên hệ phức tạp hay chằng chéo.
- Tổng kết dữ liệu.
- Hợp nhất thông tin từ các nguồn nghiên cứu khác nhau.
- Động não về một vấn đề phức tạp.
- Trình bày thông tin để chỉ ra cấu trúc của toàn bộ đối tượng.
- Ghi chép (bài giảng, phóng sự, sự kiện...).

- Khuyến khích làm giảm sự miêu tả của mỗi ý mỗi khái niệm xuống thành một từ (hay từ kép).
- Toàn bộ ý của giản đồ có thể "nhìn thấy" và nhớ bởi trí nhớ hình ảnh - Loại trí nhớ gần như tuyệt hảo
- Sáng tạo các bài viết và các bài tường thuật.
- Là phương tiện cho học tập hay tìm hiểu sự kiện.

Với giản đồ ý, người ta có thể tìm ra gần như vô hạn số lượng các ý tưởng và cùng một lúc sắp xếp lại các ý đó bên cạnh những ý có liên hệ. Điều này biến phương pháp này trở thành công cụ mạnh để soạn các bài viết và tường thuật, khi mà những ý kiến cần phải được ghi nhanh xuống. Sau đó tùy theo các từ khóa (ý chính) thì các câu hay đoạn văn sẽ được triển khai rộng ra.

Một thí dụ điển hình là việc đọc sách, thay vì chỉ đơn thuần đọc, dùng giản đồ ý trong khi đọc mỗi lần nảy ra được vài ý hay hoặc ý quan trọng thì chỉ thêm chúng vào đúng vị trí trong cái giản đồ. Sau khi đọc xong cuốn sách thì người đọc sẽ có được một trang giấy tổng kết tất cả những điểm hay và mấu chốt của cuốn sách đó. Có thể thêm thắt vào nhiều ý tưởng nghĩ ra trong lúc đọc. Điều này sẽ làm tăng chất lượng hấp thụ kiến thức từ cuốn sách. Nếu muốn nắm thật tường tận các dữ liệu đọc được thì chỉ việc tiến hành vẽ lại cái giản đồ ý này bằng trí nhớ vài lần.

Một số hướng dẫn khi tạo sơ đồ tư duy:

Để vẽ sơ đồ tư duy ta cần có: giấy, bút màu, càng nhiều màu càng tốt nhé (có thể vẽ bằng phấn nhiều màu trên bảng đen) hoặc có thể sử dụng phần mềm vẽ sơ đồ tư duy nhưng dù cho dùng cách gì để vẽ thì ta cũng phải theo những bước sau:

-B1:Đặt mặt phẳng cần vẽ SĐTD nằm ngang trước mặt để bắt đầu vẽ ở giữa.
Điều này sẽ cho phép người tạo SĐTD tự do thể hiện tất cả các ý tưởng của mình.

- B2: Bắt đầu từ trung tâm mặt phẳng vẽ một hình ảnh hay một từ khoá thể hiện một ý tưởng hay khái niệm chủ đạo.

- B3: Sử dụng màu sắc để nhấn mạnh, sắp xếp, kết cấu, sáng tạo, dùng mã màu để phân cấp ý chính và phụ, vẽ một loạt liên kết đậm toả ra từ tâm của hình ảnh.

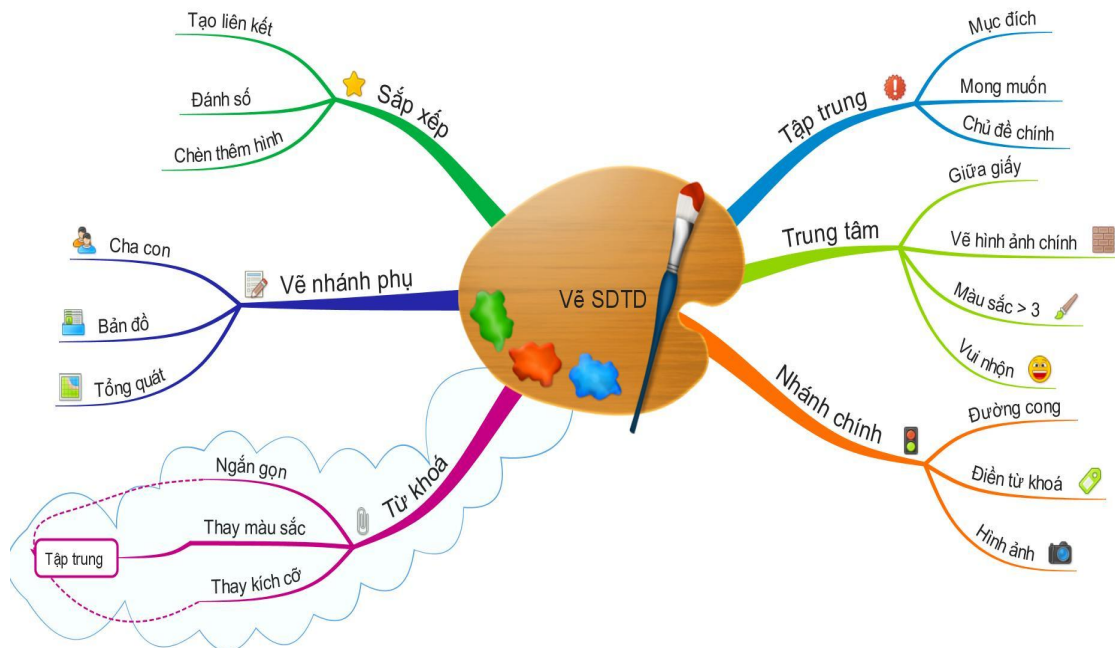
Đây là những nhánh chính của sơ đồ tư duy người vẽ liên kết các thông tin lại với nhau. Biết được quan hệ “cha con” của các thông tin.

- B4: Khi vẽ vạch liên kết nên vẽ đường cong hơn là đường thẳng, vì chúng hấp dẫn hơn với mắt và dễ ghi nhớ hơn đối với não

- B5: Sau đó hãy điền các từ khoá vào ô trung tâm, các từ khoá vào nhánh chính. Các từ khoá càng ngắn gọn xúc tích càng tốt, vì nó yêu cầu não bộ của ta phải liên tưởng, gợi nhớ. Những từ khoá quan trọng cần thay đổi màu sắc và kích cỡ để tăng sự tập trung.

- B6: Thêm các hình vẽ vào nhánh sao cho càng phù hợp với từ khoá càng tốt. Tiếp theo hãy vẽ các nhánh phụ cấp hai, cấp ba, theo những nguyên tắc trên để thể hiện các nội dung con của các nhánh trước.

- B7: Tạo các liên kết giữa các nhánh nếu chúng có liên quan đến nhau. Điền số thứ tự vào các nhánh nếu ta muốn sắp xếp thứ tự quan trọng, hoặc thứ tự các nhánh phải xem nếu thông tin yêu cầu sự tuần tự.



Sơ đồ tư duy hoàn chỉnh vừa là một bức tranh về những ý nghĩ vừa là một bản tóm tắt nội dung giúp đạt được mục tiêu của mình. Cách vẽ sơ đồ tư duy ban đầu sẽ có cảm giác phức tạp và mất thời gian vì vừa phải tìm từ khoá, vừa mất thời gian vẽ. Nhưng so với việc ngồi đọc quyển sách hàng chục lần vẫn chưa nhớ, khi cần ôn lại phải tiếp tục đọc lại từ đầu thì sơ đồ tư duy vẫn hiệu quả hơn.

b. Tổ chức các hoạt động dạy học môn Ngữ văn bằng sơ đồ tư duy:

Đặc trưng của bộ môn Ngữ văn là có 3 phân môn. Phân môn Văn bản chủ yếu là đọc - hiểu văn bản văn học. Cảm thụ những cái hay, cái đẹp trong tư tưởng tình cảm của người viết bằng chính nhận thức của các em; phân môn Tiếng Việt hình thành cho các em kỹ năng sử dụng thành thạo tiếng Việt, có những hiểu biết nhất định về tri thức tiếng Việt, từ đó các em biết yêu quý tiếng Việt, có ý thức giữ gìn

bảo vệ tiếng mẹ đẻ, góp phần hình thành nhân cách cho các em; phân môn Tập làm văn giúp học sinh rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản. Cả 3 phân môn này học sinh đều có thể sử dụng SĐTD để tự học.

Có thể tóm tắt một số hoạt động dạy học Ngữ văn trên lớp với SĐTD:

Hoạt động 1: HS lập SĐTD theo nhóm hay cá nhân từ gợi ý của GV. Gv có thể tạo nhánh cấp một để gợi ý cho hs tiếp tục vẽ các nhánh ở cấp tiếp theo.

Hoạt động 2: Cá nhân hoặc đại diện của các nhóm HS lên báo cáo, thuyết minh về SĐTD mà nhóm mình đã thiết lập.

Hoạt động 3: HS thảo luận, bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện SĐTD về kiến thức của bài học đó. GV sẽ là người cố vấn, là trọng tài giúp HS hoàn chỉnh SĐTD, từ đó dẫn dắt đến kiến thức của bài học.

Hoạt động 4: củng cố kiến thức bằng một SĐTD mà GV đã chuẩn bị sẵn hoặc một SĐTD mà cả lớp đã tham gia chỉnh sửa hoàn chỉnh, chỉ định HS lên trình bày, thuyết minh về kiến thức đó.

c. Vận dụng sơ đồ tư duy trong dạy học Ngữ văn :

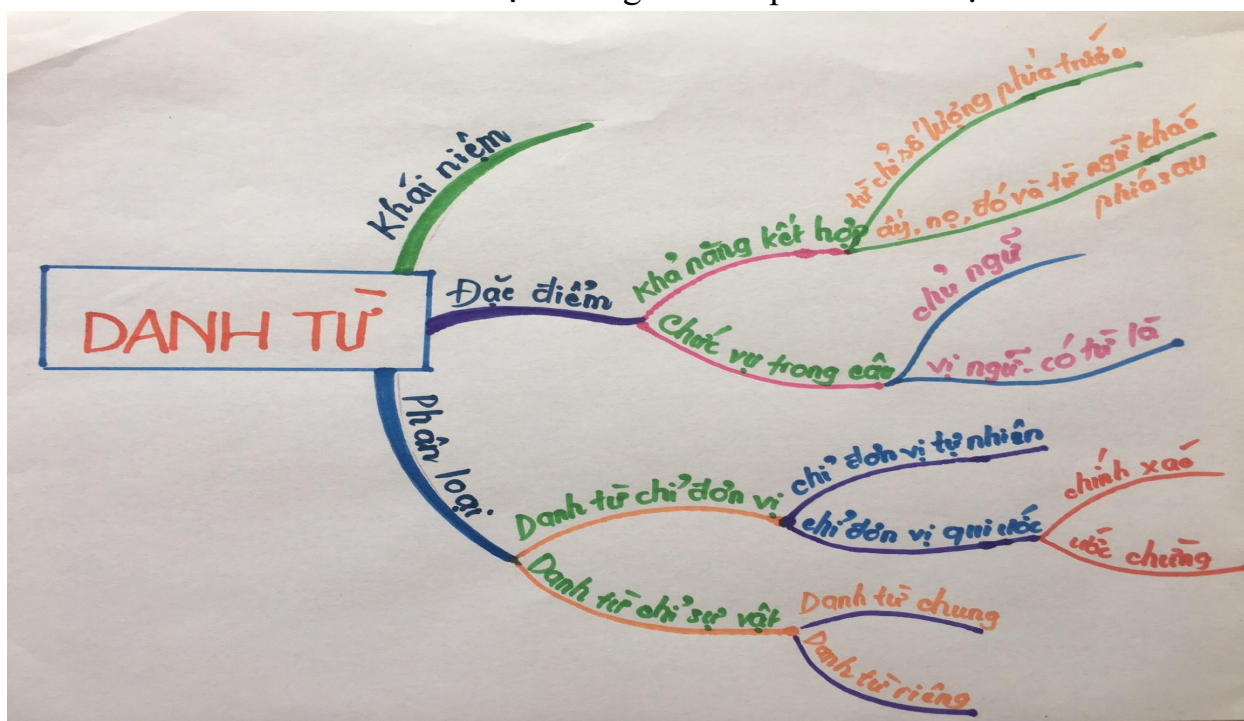
*** Dùng SĐTD để củng cố kiến thức sau mỗi tiết học và hệ thống kiến thức sau mỗi chương, phần:**

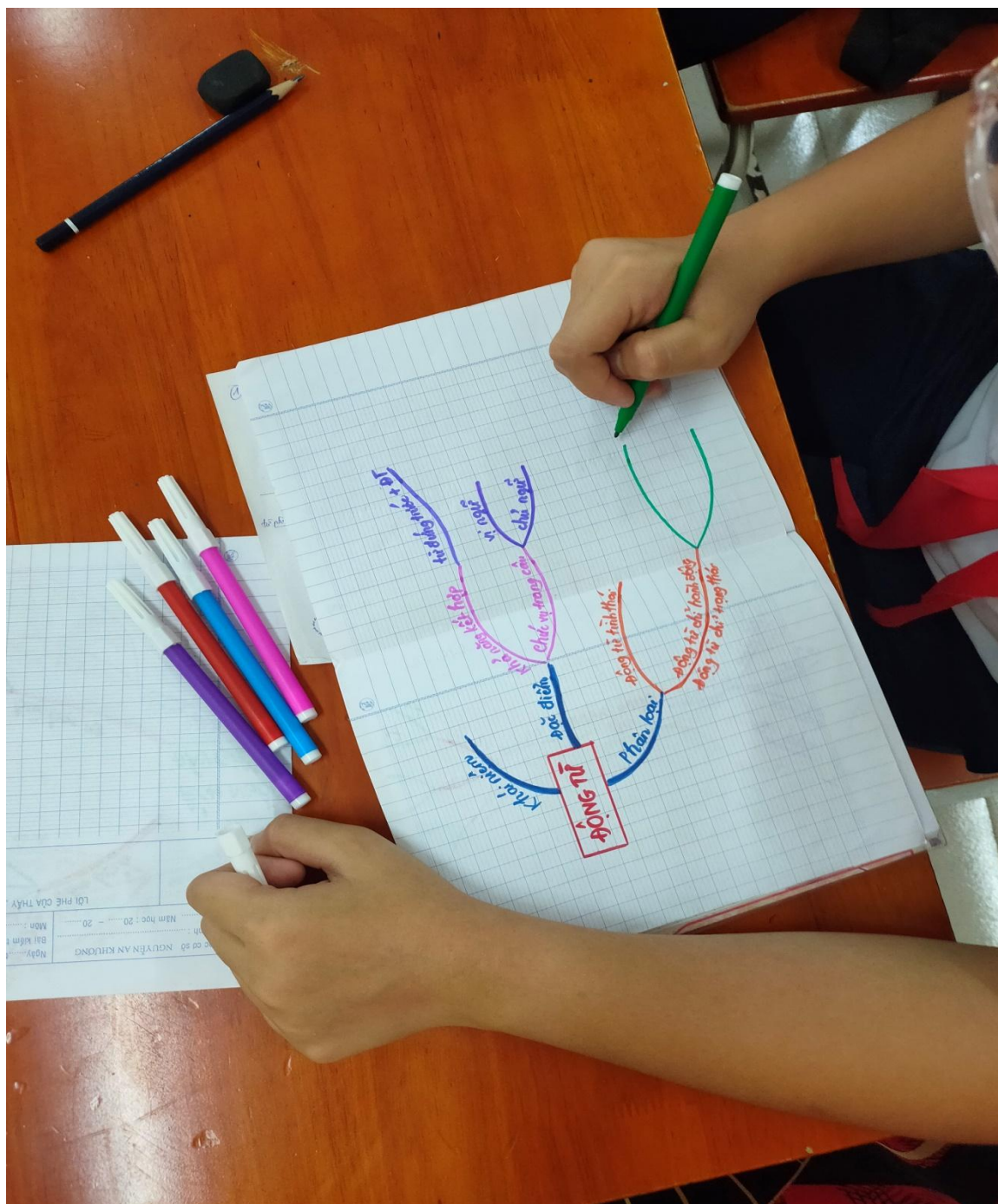
- Thực hiện Sơ đồ hoá kiến thức (một phần của bài học)
- Sơ đồ hoá kiến thức (cả bài học)
- Hệ thống kiến thức tổng kết ôn tập một chương hay chủ đề.
- Hệ thống hóa thức: (ở nhiều cấp độ, nhánh khác nhau)

Sau mỗi bài học, giáo viên hướng dẫn, gợi ý để học sinh tự hệ thống kiến thức trọng tâm, kiến thức cần nhớ của bài học bằng cách vẽ SĐTD. Mỗi bài học được vẽ kiến thức trên một trang giấy rời rồi kẹp lại thành tập. Việc làm này sẽ giúp các em dễ ôn tập, xem lại kiến thức khi cần một cách nhanh chóng, dễ dàng.

Với cách học truyền thống, học sinh ghi chép và thực hiện kiến thức theo trật tự tuyến tính nên khả năng nhớ kiến thức thường ít hơn 50% dung lượng bài. Sử dụng bản đồ tư duy giúp các em khắc phục được hạn chế đó. Sau mỗi giờ học, khi cần củng cố kiến thức học sinh chỉ cần nhìn vào bản đồ tư duy có thể tái hiện được 80% - 90% kiến thức bài học. Đến khi ôn thi học sinh không phải mất một lượng lớn thời gian để đọc lại kiến thức như cách học truyền thống mà chỉ cần quan sát lại sơ đồ tổng thể vẫn có thể tái hiện nội dung bài học một cách cụ thể, chi tiết. Như thế học sinh vừa nâng cao được kết quả học tập vừa tiết kiệm được thời gian.

Ví dụ 1: Khi dạy phần từ loại tiếng Việt, giáo viên tổ chức cho học sinh vẽ SĐTD sau mỗi bài học để mỗi em có một tập BĐTD về các từ loại tiếng Việt: danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ, quan hệ từ, trợ từ, thán từ.... Lên đến lớp 9, trong bài “ Tổng Kết ngữ pháp”, học sinh có thể dễ dàng tổng hợp kiến thức về từ loại tiếng Việt bằng SĐTD dựa vào tập SĐTD đã có. Sau khi có một học sinh hoặc một nhóm học sinh vẽ xong SĐTD sẽ cho một học sinh khác, nhóm khác nhận xét, bổ sung ... Có thể cho học sinh vẽ thêm các đường, nhánh khác và ghi thêm các chú thích... rồi thảo luận chung trước lớp để hoàn thiện.





Giáo viên đưa ra một từ khoá để nêu kiến thức của bài mới rồi yêu cầu học sinh vẽ SĐTD bằng cách đặt câu hỏi, gợi ý cho các em để các em tìm ra các tự liên quan đến từ khoá đó và hoàn thiện SĐTD. Qua SĐTD đó học sinh sẽ nắm được kiến thức bài học một cách dễ dàng.

- Ví dụ 1: Với văn bản: “Ếch ngồi đáy giếng” (Môn Ngữ văn lớp 6) giáo viên có thể vẽ mô hình SĐTD lên bảng. SĐTD gồm 4 nhánh chính, giáo viên gợi ý cho các em xác định 4 ý chính cần nắm được : khái niệm của thể loại(1 nhánh), nội dung (2 nhánh), ý nghĩa bài học(1 nhánh); ở mỗi nhánh có thể phân thành nhiều nhánh nhỏ. Để có thể hoàn thiện được mô hình SĐTD của bài học, giáo viên sử dụng hệ thống câu hỏi định hướng để khai thác kiến thức:

+ khái niệm về thể loại: học sinh sẽ dựa chú thích trang 100 sách giáo khoa để xác định các ý (thể loại, nhân vật, mục đích giao tiếp...)

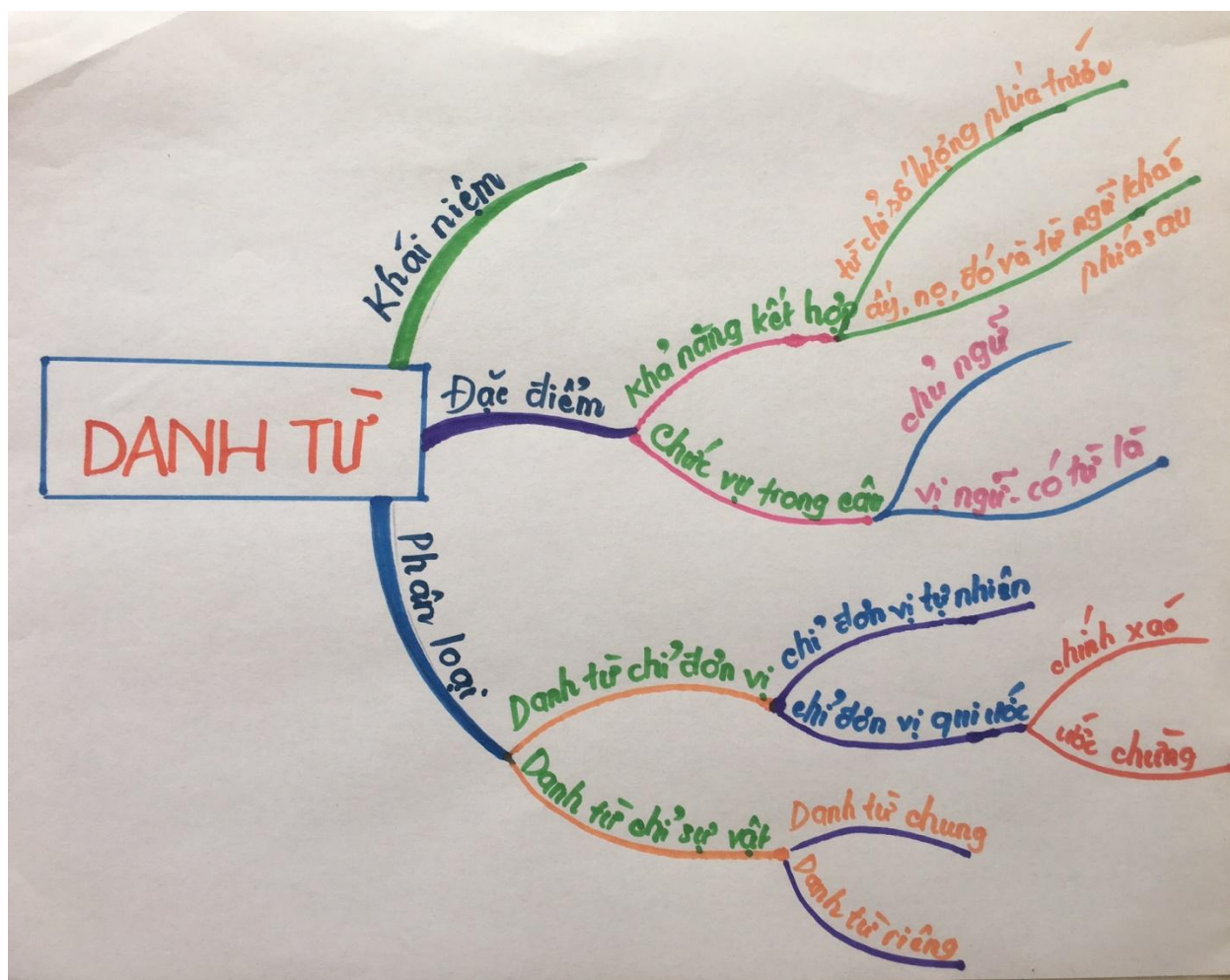
+ Tiếp tục hoàn thành các nhánh của SĐTD bằng hệ thống câu hỏi nhỏ có tính gợi mở (Ếch khi còn trong giếng , ếch khi ra ngoài giếng về không gian sống, hiểu biết, tính cách, tác giả đưa ra bài học nào cho con người ?..)

Hình ảnh minh họa Sơ đồ tư duy bài “ Ếch ngồi đáy giếng” - Ngữ Văn 6:



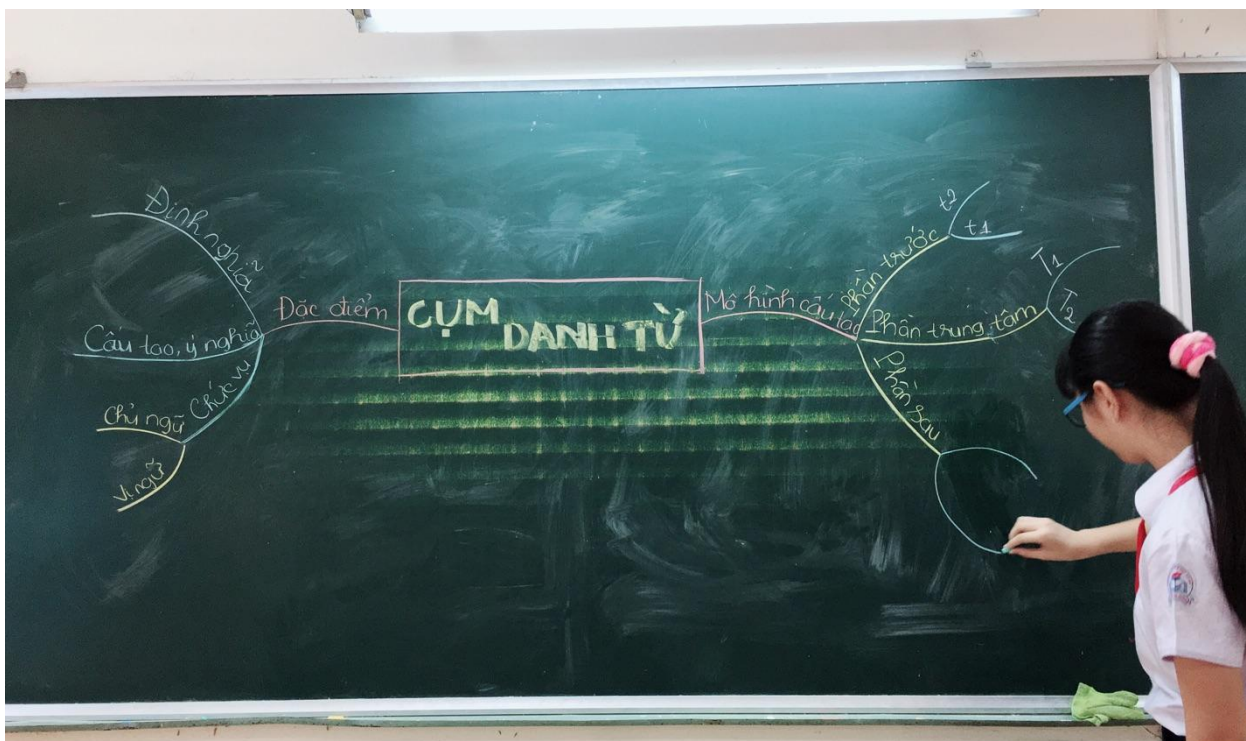
- Ví dụ 2: Khi học bài “ danh từ” (Môn Ngữ văn lớp 6), đầu giờ giáo viên cho từ khoá “ danh từ” rồi yêu cầu học sinh vẽ SĐTD bằng cách đặt câu hỏi gợi ý cho các em để các em có thể vẽ tiếp các nhánh con và bổ sung dần các ý nhỏ (nhánh con cấp 2, cấp 3...), sau khi các nhóm HS vẽ xong, cho một số em lên trình bày trước lớp để các học sinh khác bổ sung ý. Giáo viên kết luận qua đó giúp các em tự chiếm lĩnh kiến thức một cách nhẹ nhàng, tự nhiên nhưng rất hiệu quả.

Hình ảnh minh hoạ Sơ đồ tư duy bài “danh từ” - Ngữ Văn 6:



***Dùng Sơ đồ tư duy để kiểm tra bài cũ :**

- Giáo viên vẽ SĐTD bài cũ lên bảng, gọi học sinh lên bảng thuyết trình sơ đồ tư duy của bài học cũ trước lớp. Giáo viên có thể đặt thêm câu hỏi để học sinh trả lời.
- Giáo viên vẽ SĐTD bài cũ lên bảng nhưng chỉ vẽ một phần, xong yêu cầu học sinh lên vẽ tiếp, nếu các em vẽ được tức là các em hiểu bài, thuộc bài.

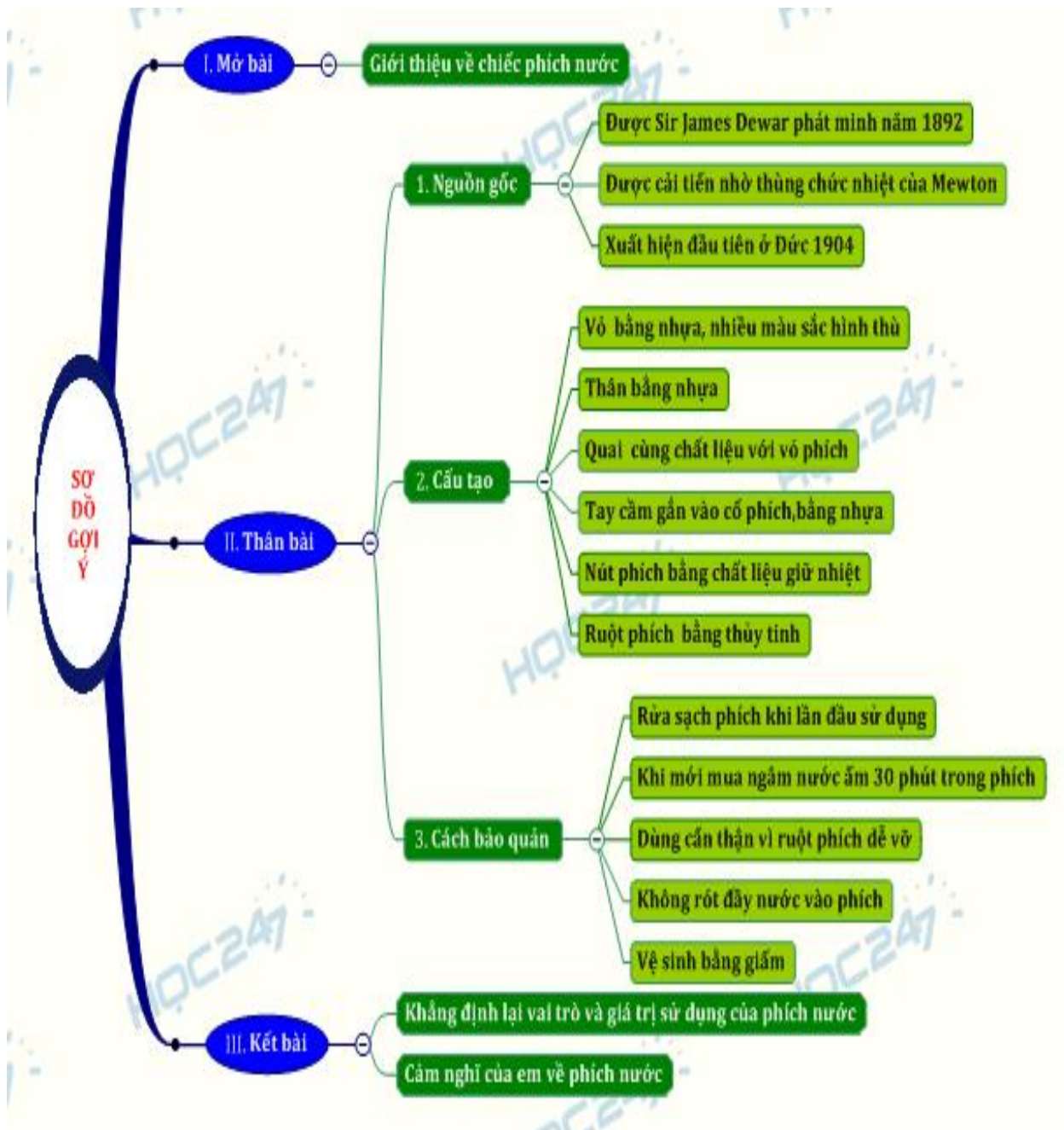


Bắt buộc 100% học sinh phải có sơ đồ tư duy bài học cũ và các sơ đồ tư duy được học sinh lưu trong bìa giấy hoặc một túi hồ sơ để sử dụng khi ôn tập và khi giáo viên kiểm tra thay cho vở ghi bài. Học sinh cũng có thể có một tập nháp vẽ sơ đồ tư duy ngay tại lớp trong giờ học. Về nhà học sinh sẽ tự chỉnh sửa sơ đồ tư duy bằng hình vẽ bằng tay.

*** Sử dụng Sơ đồ tư duy để lập dàn ý trong tiết học tập làm văn:**

Trong tiết này, giáo viên yêu cầu học sinh vẽ SĐTD ra giấy, mời một em học sinh lên bảng vẽ. Sau đó giáo viên chữa và hoàn chỉnh sơ đồ tư duy trên bảng và cho các em dựa vào SĐTD đó thực hành tạo lập một văn bản nói hay viết.

Hình ảnh minh họa sơ đồ tư duy bài luyện nói về cái phích nước (ngữ văn lớp 8):



Như vậy trong quá trình dạy học giáo viên xác định nội dung kiến thức của bài, phân định thời gian hợp lý để có thể đưa SĐTD vào tiết dạy sao cho phù hợp với nội dung kiểu bài cũng như đối tượng học sinh. Sử dụng BĐTD trong dạy học ngữ văn không những giúp các em ghi nhớ kiến thức mà còn giúp các em rèn luyện kỹ năng chọn lựa từ ngữ (từ khóa) để chốt vấn đề, kỹ năng diễn đạt, trình bày vấn đề, hiểu bản chất vấn đề. Như thế chúng ta đã giúp học sinh tự rèn 4 kỹ năng: nghe, đọc, nói, viết mà môn Ngữ Văn đang hướng tới.

Lưu ý:

- SĐTD là một sơ đồ mở nên không yêu cầu tất cả các nhóm HS có chung một kiểu SĐTD, GV chỉ nên chỉnh sửa cho HS về mặt kiến thức, góp ý thêm về đường nét vẽ, màu sắc và hình thức (nếu cần).

- Để học sinh có thể tự vẽ được SĐTD một cách thuần thục GV cần lưu ý một số điểm như sau:

1. Cho HS làm quen với bản đồ tư duy bằng cách giới thiệu cho HS một số

“SĐTD” cùng với sự dẫn dắt của GV để các em làm quen.

2. Tập “đọc hiểu” SĐTD, sao cho chỉ cần nhìn vào SĐTD bất kỳ học sinh nào cũng có thể thuyết trình được nội dung một bài học hay một chủ đề, một chương theo mạch logic của kiến thức.

3. Hướng cho HS có thói quen khi tư duy logic theo hình thức sơ đồ hoá trên SĐTD

4. Phương tiện để thiết kế SĐTD khá đơn giản, chỉ cần giấy, bìa, bảng phụ, phấn màu, bút chì màu, tẩy,... vì vậy có thể vận dụng với bất kỳ điều kiện cơ sở

vật chất nào của các nhà trường hiện nay. Trước mắt dùng phấn màu vẽ SĐTD lên bảng và sử dụng bút màu vẽ trên giấy, bìa đối với HS.Điều quan trọng là GV hướng cho HS có thói quen lập SĐTD trước hoặc sau khi học một bài hay một chủ đề, một chương, để giúp các em có cách sắp xếp kiến thức một cách khoa học, logic.

4. Hiệu quả của sáng kiến:

Việc sử dụng SĐTD giúp giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, giúp học sinh học tập tích cực đó chính là một trong những cách làm thiết thực triển khai nội dung dạy học có hiệu quả theo hướng đổi mới đánh giá theo năng lực học sinh mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đang triển khai. Sau một thời gian ứng dụng SĐTD trong đổi mới phương pháp dạy học nói chung và đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn nói riêng, tôi thấy bước đầu có những kết quả khả quan đối với những học sinh lớp 6 tôi trực tiếp hướng dẫn giảng dạy.. Học sinh hiểu bài nhanh hơn, hiệu quả hơn, tăng tính chủ động, sáng tạo và phát triển tư duy của các em. Đa số các em học sinh khá,giỏi đã biết sử dụng SĐTD để ghi chép bài, tổng hợp kiến thức môn học. Một số học sinh trung bình đã biết dùng SĐTD để củng cố kiến thức bài học ở mức đơn giản.

Đối với môn Ngữ văn, học sinh rất hào hứng trong việc ứng dụng SĐTD để ghi chép bài nhanh, hiệu quả, đặc biệt là học tiếng Việt. Giáo viên tiết kiệm được thời gian, tăng sự linh hoạt trong bài giảng,..Có thể đây chưa là kết quả tối ưu nhất nhưng phần nào cũng khắc phục được những hạn chế nhỏ nhỏ trong quá trình dạy và học bằng SĐTD trong môn Ngữ văn đối với học sinh đầu cấp THCS. Kết quả thu được sau khoảng thời gian tôi áp dụng SĐTD trong giảng dạy có so sánh với kết quả trước khi áp dụng sáng kiến.

Như vậy so với kết quả ban đầu khi chưa áp dụng SKKN thì tỉ lệ học sinh lớp 6 yêu thích học văn tăng lên 33,85 %, theo đó tỉ lệ học sinh giỏi cũng tăng lên 15,4 % , tỉ lệ học sinh khá tăng 10,77%, tỉ lệ học sinh trung bình giảm 20,1%, và không còn học sinh yếu bộ môn văn nữa.

B. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

1. KẾT LUẬN:

Tóm lại, việc vận dụng SĐTD trong dạy học, kiểm tra, đánh giá sẽ dần hình thành cho HS tư duy mạch lạc, hiểu biết vấn đề một cách sâu sắc, có cách nhìn vấn đề một cách hệ thống, khoa học. Sử dụng SĐTD kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực khác như vấn đáp gợi mở, thuyết trình,... có tính khả thi cao góp phần đổi mới PPDH, đặc biệt là đối với học sinh đầu cấp THCS hiện nay. Vì vậy, việc tăng cường sử dụng SĐTD trong quá trình dạy học nói chung, trong đó có dạy học Ngữ văn là việc làm rất cần thiết, góp phần đáp ứng yêu cầu của phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. KIẾN NGHỊ:

a. Đối với giáo viên:

- Cần phải nắm vững những hiểu biết, kiến thức cơ bản về sơ đồ tư duy: khái niệm, cấu tạo, các bước thiết kế, quy trình tổ chức hoạt động vẽ SĐTD trên lớp và những tiện ích.
- Cần có sự cân nhắc khi ứng dụng SĐTD vào việc soạn, giảng, kiểm tra đánh giá, tổ chức hoạt động cho học sinh, tránh lạm dụng; nhất là đối với bộ môn Ngữ văn.
- Cần xác định đúng kiến thức cơ bản, trọng tâm để thiết kế SĐTD tức là phải biết chọn lọc những ý cơ bản, những kiến thức thật cần thiết.

– Cần đầu tư thời gian hợp lý vào việc soạn bài, lập trước các SĐTD cần thiết cho tất cả các khâu của quá trình lên lớp đối với từng bài học.

b.Đối với học sinh:

– Cần tích cực, tự giác, cũng như tăng cường giao lưu học hỏi một cách khiêm tốn ở thầy cô, bạn bè về việc vẽ, học và ghi chép với SĐTD.-

d. Đối với trường:

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa các tổ chuyên môn để chúng tôi có cơ hội học hỏi trao đổi kinh nghiệm về các phương pháp dạy học để có được những phương pháp dạy học hay, hiệu quả.

Trên đây là vài kinh nghiệm của bản thân tôi trong quá trình giảng dạy rất mong nhận được ý kiến đóng góp của đồng nghiệp.

Ngày tháng năm 2023

Xác nhận, đánh giá xếp loại của đơn vị

Người viết sáng kiến

Phùng Thị Quyên